

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 108/2005/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam
đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

*Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về
quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;*

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu phát triển:

Mục tiêu phát triển của ngành công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 là đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng xi măng trong nước (cả về số lượng và chủng loại), có thể xuất khẩu khi có điều kiện; đưa ngành xi măng Việt Nam thành một ngành công nghiệp mạnh, có công nghệ hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế trong tiến trình hội nhập.

2. Quan điểm phát triển.

a) Về đầu tư:

Đầu tư các dự án xi măng phải bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, sản phẩm có sức cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, di tích lịch sử văn hoá, cảnh quan và bảo đảm các yêu cầu về an ninh, quốc phòng. Ưu tiên phát triển các dự án đầu tư mở rộng, các dự án mới tại khu vực miền Nam và miền Trung, các dự án thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc. Không đầu tư mới các nhà máy xi măng lò đứng, các trạm nghiền độc lập không gắn với cơ sở sản xuất clanhke trong nước.

b) Về công nghệ:

Sử dụng công nghệ tiên tiến, tự động hoá ở mức cao, lựa chọn thiết bị phù hợp nhằm đảm bảo sản xuất sản phẩm đạt chất lượng cao, ổn định, giá thành hợp lý và sản phẩm đa dạng. Tiết kiệm tối đa tài nguyên, khoáng sản và năng lượng trong sản xuất xi măng. Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất xi măng trong đó có sử dụng phế thải, phế liệu của các ngành công nghiệp khác, bảo đảm các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn quy định. Chuyển đổi dần công nghệ lò đứng sang lò quay và tiến tới loại bỏ công nghệ xi măng lò đứng trước năm 2020.

c) Về quy mô công suất:

Ưu tiên phát triển các nhà máy quy mô công suất lớn; lựa chọn quy mô công suất phù hợp đối với các dự án ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Các dự án chuyển đổi công nghệ từ lò đứng sang lò quay có thể áp dụng quy mô công suất vừa và nhỏ, nhưng không nhỏ hơn 1.000 tấn clanhke/ngày.

d) Về bố trí quy hoạch:

Các nhà máy sản xuất xi măng phải được lựa chọn xây dựng ở những nơi có điều kiện thuận lợi về nguồn nguyên liệu, hạ tầng và trên cơ sở nhu cầu thị trường địa phương và khu vực, có tính đến điều tiết cung cầu trong phạm vi toàn quốc, tập trung chủ yếu vào 8 khu vực có triển vọng sản xuất clanhke, xi măng:

--	--

KHU VỰC	CÁC TỈNH
I	Quảng Ninh
II	Hải Phòng - Hải Dương
III	Hòa Bình - Hà Tây - Hà Nam - Ninh Bình - Bắc Thanh Hóa
IV	Nam Thanh Hóa - Nghệ An.
V	Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế
VI	Quảng Nam - Đà Nẵng
VII	Tây Ninh - Bình Phước
VIII	Kiên Giang

Tập trung xây dựng các nhà máy sản xuất clanhke quy mô công suất lớn tại các khu vực có tài nguyên, có điều kiện giao thông đường thủy thuận tiện cho việc vận chuyển clanhke vào miền Nam.

Đối với khu vực miền núi Tây Bắc, Đông Bắc chủ yếu xây dựng các nhà máy quy mô phù hợp đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại chỗ và vùng lân cận.

3. Các chỉ tiêu quy hoạch.

a) Về trữ lượng mỏ nguyên liệu:

- Đối với các dự án có công suất trên 3.000 tấn clanhke/ngày: trữ lượng mỏ nguyên liệu tối thiểu phải đủ cho sản xuất liên tục 30 năm.

- Đối với các dự án có công suất dưới 3.000 tấn clanhke/ngày: trữ lượng mỏ nguyên liệu phải đủ cho sản xuất liên tục từ 20 đến 25 năm.

b) Các chỉ tiêu kỹ thuật sản xuất xi măng:

Dự án đầu tư phát triển công nghiệp xi măng phải đạt các chỉ tiêu tiên tiến về tiêu hao nhiên liệu, nguyên liệu, điện năng, vật liệu, nồng độ bụi của khí thải, cường độ tiếng ồn, mức độ tự động hoá, năng suất lao động, tỷ lệ chế tạo thiết bị trong nước.

Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu	Loại quy mô công suất (Tấn clanhke/ngày)		
	≥ 3.000	> 1.000 đến < 3.000	1.000
Tiêu hao nhiệt, kcal/kg clanhke	≤ 730	≤ 800	≤ 850
Tiêu hao điện, kwh/tấn xi măng	≤ 95	≤ 98	≤ 100
Nồng độ bụi, mg/Nm ³	≤ 50		

c) Các cơ sở xi măng lò đứng cải tạo, chuyển đổi công nghệ sang lò quay phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã trả hết nợ vay đầu tư, có nhu cầu cải tạo chuyển đổi công nghệ.
- Có nguồn nguyên liệu đá vôi, đất sét với chất lượng đạt yêu cầu, có trữ lượng đảm bảo cho nhà máy hoạt động từ 20 năm trở lên.
- Có thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- Có năng lực về tài chính.
- Có đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành sản xuất nhiều kinh nghiệm.

Các cơ sở xi măng lò đứng không đủ các tiêu chí cải tạo, chuyển đổi nêu trên phải có kế hoạch chuyển hướng sản xuất hoặc thanh lý trước năm 2020.

d) Yêu cầu đối với các trạm nghiền:

- Phải gắn với cơ sở sản xuất và cung cấp clanhke ổn định trong nước.
- Phải đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định.

đ) Nhu cầu và kế hoạch huy động sản lượng các nhà máy xi măng.

- Dự báo nhu cầu xi măng theo mốc thời gian:

+ Toàn quốc:

Đơn vị: triệu tấn

Năm	Mức dao động	Mức trung bình
2005	27,5 - 30,5	29